

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2024

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN) giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*sau đây viết tắt là Chương trình*); Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022*); Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*nguồn vốn: ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh*). Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 114/TTr-BDT ngày 29/01/2024; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN của tỉnh; nâng cao đời sống người dân, góp phần giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS và MN; đảm bảo giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2024 và các năm 2022, 2023 chuyển sang, nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Chỉ tiêu đến cuối năm 2024

- Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS và MN giảm 6 - 7% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng 07 dự án, triển khai xây dựng mới 06 dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa khoảng 70km đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân; xây dựng 02 công trình nước sinh hoạt tập trung và hỗ trợ 2.360 hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán. Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 02 trường nội trú, 04 trường bán trú và 02 trường PTTH có học sinh bán trú.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 892 hộ; giải quyết sinh kế cho 3.744 hộ.

- 80% tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ; 85% tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS và MN.

- Đào tạo nghề cho khoảng 1.500 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 5.500 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã, thôn ĐBK.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng khoảng 55.576 ha, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn Quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Tổ chức bảo tồn 10 loại hình văn hoá phi vật thể; hỗ trợ đầu tư xây dựng 22 thiết chế văn hoá, thể thao thôn; hỗ trợ đầu tư xây dựng 03 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho 306 người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho hơn 450 cán bộ, công chức, viên chức.

II. NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung: Phạm vi, đối tượng, nội dung thực hiện các dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần của Chương trình thực hiện theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

2. Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện Chương trình trong năm 2024 là 846.316 triệu đồng, trong đó:

2.1. Ngân sách Trung ương: 650.873 triệu đồng; gồm: vốn đầu tư là 298.367 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 352.506 triệu đồng.

2.2. Ngân sách tỉnh: 67.216 triệu đồng; gồm: vốn đầu tư là 30.157 triệu

đồng, vốn sự nghiệp là 37.059 triệu đồng.

2.3. Ngân sách huyện: 30.392 triệu đồng; gồm: vốn đầu tư là 14.593 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 15.799 triệu đồng.

2.4. Vốn tín dụng chính sách: 21.000 triệu đồng.

2.5. Vốn huy động khác: 76.835 triệu đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS và MN, đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (*hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành*) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

5. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn;

phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, sử dụng tốt công cụ giám sát của cộng đồng trong việc giám sát, đánh giá.

6. Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh (Cơ quan thường trực Chương trình): Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện có vùng đồng bào DTTS và MN tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách, dự án của Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các vướng mắc (nếu có); tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ, đột xuất cho UBND tỉnh và Trung ương.

2. Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các cơ quan, đơn vị; kế hoạch vốn được phân bổ trong năm 2024 chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình do đơn vị mình chủ trì; đồng thời, tổ chức kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng được phân công.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do đơn vị mình chủ trì cho cơ quan chủ trì Chương trình và theo yêu cầu của các cấp, các ngành có thẩm quyền.

3. Các cơ quan thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh: Có trách nhiệm thực hiện tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

4. UBND các huyện có vùng đồng bào DTTS và MN: Khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 tại địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng tháng, quý, cuối năm (trước ngày 15/12) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh) kết quả thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh để giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Ban Dân tộc tỉnh*) để chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ, ngành Trung ương theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban ngành là thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện có vùng đồng bào DTTS&MN;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu VT, KGVX_{VHTin40}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

PHỤ LỤC 01
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Chỉ tiêu năm 2024	Ghi chú
1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN	%	4-4,5	6-7	
2	Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường nông thôn	Km	300	70	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung	Công trình	45	2	
4	Hỗ trợ hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán	Hộ	10.097	2.360	
5	Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú	Trường	4 trường nội trú, 17 trường bán trú và 11 trường có học sinh bán trú	02 trường nội trú, 04 trường bán trú và 02 trường có học sinh bán trú	
6	Giải quyết đất ở	Hộ	753	411	
7	Giải quyết nhà ở	Hộ	1.892	1.683	
8	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	891	225	
9	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	2.863	892	
10	Giải quyết sinh kế	Hộ	8.000	3.744	
11	Sắp xếp, ổn định dân cư	Hộ	1.565	150	
12	Xây dựng, thực hiện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung	Dự án	14	Tiếp tục thực hiện xây dựng 07 dự án, triển khai xây dựng mới 06 dự án	
13	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ ít nhất 4 lần trong 3 thai kỳ	%	80	80	
14	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%	80	85	
15	Hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS và MN	%	100	100	
16	Đào tạo nghề	Người	5.644	1.500	
17	Hỗ trợ bảo vệ rừng góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu	ha		55.576	
18	Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập	Hộ	35.000	5.500	
19	Tổ chức bảo tồn văn hoá phi vật thể;	loại hình	38	10	
20	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn;	thiết chế	43	22	
21	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và MN	điểm	6	3	
22	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở	Cán bộ	600	200	
23	Hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở	Người	306	306	
24	Bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho CB, CC, VC	Người	1.381	450	

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH YONTERE HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ HỢP TÁC ĐỒNG BẢO ĐẢM TỐC THIỂU SỞ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024
 (Kèm theo Kế hoạch số 24/KH UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh)

STT	Dự án/ đơn vị	Tổng tất cả các nguồn vốn	Tổng vốn ngân sách Nhà nước				Ngân sách Trung ương ¹				Trong đó				Vốn vay tín dụng chính sách ²	Vốn hợp đồng hợp pháp khác ³
			TỔNG	Trong đó			TỔNG	Trong đó			TỔNG	Trong đó				
				DTPT	SN	SN		DTPT	SN	SN		DTPT	SN			
TỔNG CỘNG																
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	846.316	748.481	343.117	405.364	650.873	298.367	352.506	67.216	30.157	37.059	30.392	14.593	15.799	21.000	76.833
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	101.254	92.887	57.807	35.080	80.776	50.271	30.505	8.072	5.022	3.050	4.039	2.514	1.525	8.36	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	51.126	51.126	47.112	4.014	45.030	41.541	3.489	3.843	3.494	3.49	2.253	2.077	176		
1	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	294.234	281.676	26.605	255.071	244.674	22.867	221.807	25.740	2.595	23.145	11.262	1.143	10.119		12.558
2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	159.701	159.701	-	159.701	138.872	-	138.872	14.668	-	14.668	6.161	-	6.161		
3	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	121.975	121.975	26.605	95.370	105.802	22.867	82.935	11.072	2.595	8.477	5.101	1.143	3.958		
4	Nội dung được điều chỉnh	43.999	43.999	26.605	17.394	37.993	22.867	15.126	4.107	2.595	1.512	1.899	1.143	756		
5	Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và khởi nghiệp kinh doanh	77.976	77.976	-	77.976	67.809	-	67.809	6.965	-	6.965	3.202	-	3.202		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của hình vực dân tộc	223.561	172.141	151.013	21.128	149.997	131.621	18.376	14.645	12.811	1.834	7.499	6.581	918		51.426
1	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	172.141	172.141	151.013	21.128	149.997	131.621	18.376	14.645	12.811	1.834	7.499	6.581	918		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	64.176	64.176	30.109	34.067	55.167	25.538	29.629	6.809	3.470	3.339	2.200	1.101	1.099		
1	Tiêu dự án 1: Đòi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	37.008	37.008	30.109	6.899	31.537	25.538	5.999	4.130	3.470	660	1.341	1.101	240		
2	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	10.532	10.532	-	10.532	9.161	-	9.161	1.143	-	1.143	228	-	228		
3	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi	798	798	-	798	697	-	697	69	-	69	32	-	32		
4	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	15.838	15.838	-	15.838	13.772	-	13.772	1.467	-	1.467	599	-	599		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	17.879	13.389	7.927	5.462	11.645	6.895	4.750	1.410	837	573	334	195	139		4.490
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10.728	10,728	-	10,728	9,329	-	9,329	979	-	979	420	-	420		
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	20.724	20,724	-	20,724	18,021	-	18,021	1,982	-	1,982	721	-	721		



STT	Dự án/ đơn vị	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó												Vốn vay tín dụng chính sách ²	Vốn huy động hợp pháp khác ³
			Tổng vốn ngân sách Nhà nước			Ngân sách Trung ương ¹			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện				
			Trong đó		TỔNG	Trong đó		TỔNG	Trong đó		TỔNG	Trong đó		TỔNG		
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN			
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	5.620	-	5.620	4.888	-	4.888	500	-	500	232	-	232	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Tiểu dự án 2: Giám thiếu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	5.619	-	5.619	4.888	-	4.888	500	-	500	231	-	231	-	-	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	36.014	22.544	13.470	31.346	19.634	11.712	3.236	1.928	1.308	1.432	982	450	-	-	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	7.269	-	7.269	6.324	-	6.324	691	-	691	254	-	254	-	-	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	25.323	22.544	2.779	22.052	19.634	2.418	2.187	1.928	259	1.084	982	102	-	-	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3.422	-	3.422	2.970	-	2.970	358	-	358	94	-	94	-	-	

¹ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

² Kế hoạch số 29/KH-NHCS ngày 10/01/2024 của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi

³ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025